

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 15-01-2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vũ Thị Nguyệt

2. Bà Trần Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Thư ký Tòa án, TAND huyện Yên Định, Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND huyện Yên Định tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15/01/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thụ lý số 12/2018/TLST-DS ngày 29/6/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-DS ngày 11/12/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Thắng, chức vụ: TGD

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phan Doãn Tuấn.

Chức vụ: PGĐ phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Yên Định.

- Bị đơn: Chị LTH, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã P, Yên Định, Thanh Hóa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh HVT, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn T, xã P, Yên Định, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt ông Tuấn, vắng mặt chị LTH và anh HVT.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/6/2018, bản tự khai ngày 29/6/2018, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội trình bày:

Ngày 12/5/2013 Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Yên Định có cho chị LTH vay vốn chương trình cho vay Nước sạch và vệ sinh môi trường, khoản vay số 6000002700137676, số tiền vay là 8.000.000đ, lãi suất 0,9%/tháng, thời hạn vay 60 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/5/2018, chị LTH đã trả được 4.500.000đ, số tiền còn nợ 3.500.000đ do chị LTH không trả đúng hạn nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên thành nợ quá hạn bằng 130% nợ trong hạn, tương ứng với 1,17%/tháng. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, động viên gia đình thu xếp trả nợ nhưng đến nay chị LTH vẫn cố tình không trả.

Để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng đã khởi kiện và yêu cầu chị LTH phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số nợ gốc còn lại là 3.500.000đ và lãi phát sinh.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2018 đối với chị LTH, chị LTH khai:

Vào khoảng tháng 5/2013 chị có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Yên Định số tiền 8.000.000đ theo chương trình vệ sinh nước sạch, nhưng thực chất số tiền này chị vay giúp cho bà Trương Thị Thạo, khi đó là Tổ trưởng tổ vay vốn Ngân hàng chính sách tại thôn 4, xã P. Thời gian đầu bà Thạo là người trả lãi hàng tháng, hai năm trở lại đây (*tính mốc thời điểm tháng 7/2018*) chị là người trả lãi. Đến nay chị đã trả được cho Ngân hàng số tiền gốc 4.500.000đ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn không thể trả một lúc cho Ngân hàng được nên chị đề nghị Ngân hàng chính sách xã hội cho chị trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã đưa anh HVT (*chồng chị LTH*) với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời trực tiếp đến gia đình anh làm việc, nhưng anh HVT từ chối không khai báo vì cho rằng mình không biết chữ, không liên quan gì đến việc vay nợ giữa chị LTH với Ngân hàng chính sách xã hội. Sau đó Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh HVT nhưng anh cố tình không đến, nên Tòa án không có lời khai của anh trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị LTH phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội 3.500.000đ tiền gốc và lãi chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Về án phí: Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị LTH là bị đơn trong vụ án, hiện đang cư trú tại thôn T, xã P, huyện Yên Định. Do đó Ngân hàng chính sách xã hội yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Quá trình giải quyết vụ án, chị LTH và anh HVT không hợp tác, không đến theo yêu cầu của Tòa án, thuộc trường hợp cố tình trốn tránh, nên Tòa án không thực hiện được việc hòa giải tranh chấp cho các bên.

Ngày 29/11/2018 Tòa án quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án, đến ngày 04/10/2019 đã ra Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung khi lý do tạm đình chỉ không còn.

Ngày 26/12/2019 Tòa án mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, chị LTH và anh HVT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa.

Ngày 15/01/2020 Tòa án tiếp tục mở lại phiên tòa, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ nhưng chị LTH và anh HVT vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Chị LTH có vay của Ngân hàng chính sách xã hội số tiền 8.000.000đ từ ngày 12/5/2013, nhưng do chị LTH không thực hiện đúng cam kết trả nợ nên Ngân hàng chính sách xã hội đã khởi kiện yêu cầu chị LTH hoàn trả toàn bộ số nợ còn lại, việc khởi kiện trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 249 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[4] Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:

Giao dịch dân sự được ký kết trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nhưng do giao dịch đang được thực hiện, có hình thức, nội dung phù hợp với quy định của bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các quy định tương ứng về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết tranh chấp, phù hợp với điều khoản chuyển tiếp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do đây là quan hệ vay tài sản của tổ chức tín dụng đối với cá nhân, nên lãi suất được áp dụng theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước hướng dẫn áp dụng về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp thể hiện chị LTH có vay và đã nhận tiền vay từ Ngân hàng, do vậy chị LTH phải có trách nhiệm về số tiền đã vay với Ngân hàng chính sách xã hội. Còn việc chị LTH cho bà Thạo vay lại thì đó là quan hệ dân sự khác, không liên quan trong vụ án này. Hiện nay chị LTH cũng đã rút đơn tố cáo đối với bà Trương Thị Thạo nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án dân sự theo thủ tục chung.

Đối với anh HVT có chữ viết, chữ ký là người thừa kế khoản nợ trong hồ sơ vay vốn, qua xác minh anh HVT không biết việc vay nợ này, là người không biết chữ. Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chỉ yêu cầu chị LTH trả nợ, không yêu cầu gì đối với anh HVT. Bản thân chị LTH không yêu cầu anh HVT cùng trả nợ với chị, đồng thời khẳng định chị vay để cho người khác vay lại, nên số tiền vay này được xác định không dùng vào mục đích sinh hoạt chung của gia đình chị LTH, anh HVT. Do vậy Hội đồng xét xử nhận định anh HVT không phải liên đới cùng chị LTH thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ vào các tình tiết sự việc, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu đòi nợ của phía nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội, buộc chị LTH phải trả toàn bộ số nợ gốc còn lại là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*) và lãi chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Về lãi: Các bên đã thỏa thuận lãi suất trong hạn 0,9%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% của lãi suất trong hạn (tương đương 1,17%/tháng). Lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, buộc chị LTH phải thanh toán số tiền lãi còn lại theo lãi suất đã thỏa thuận, kể từ ngày chị LTH không tiếp tục thực hiện việc trả lãi 25/6/2018. Tính đến ngày xét xử, số tiền lãi phát sinh của chị LTH là 3.901.885đ, chị LTH đã nộp được 3.017.210đ, số tiền lãi còn lại là 884.675đ (*làm tròn thành 885.000đ*).

Do đó tổng nợ gốc và lãi mà chị LTH phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội là: 3.500.000đ (gốc) + 885.000đ (lãi) = 4.385.000đ (*Bốn triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn đồng*).

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Ngân hàng chính sách xã hội thuộc diện được miễn tạm ứng án phí và án phí.

Chị LTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463, 466, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 6 Điều 4, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội.

Buộc chị LTH phải thanh toán cho Ngân hàng chính sách xã hội số tiền gốc là 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm nghìn đồng*), lãi phát sinh chưa thanh toán 885.000đ (*Tám trăm tám lăm nghìn đồng*), tổng cộng: 4.385.000đ (*Bốn triệu ba trăm tám lăm nghìn đồng*).

2. Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là chị LTH còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

3. Về án phí: Chị LTH phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Định;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng